

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/DS - ST.

Ngày: 22 - 10 - 2019.

V/v “tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hui)”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

2. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2019/TLST - DS, ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc “tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hui)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST - DS, ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần thị Thanh T; sinh năm 1971; địa chỉ: ấp K, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Bích TH; sinh năm 1968; địa chỉ: ấp H, thị trấn N, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 12/6/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày: Bà Trần Thị Thanh T và bà Đặng Thị Bích TH có tham gia hợp đồng góp hui với nhau, cụ thể:

Dây hui mở ngày 09/11/2013 âm lịch, hui giá 3.000.000 đồng, 03 tháng mở hui một lần, có 13 phần, bà TH tham gia 01 phần và hót lần mở hui thứ nhất, sau khi hót hui thì bà TH góp hui chết cho bà T được 11 kỳ thì không góp tiếp và còn nợ bà T 01 kỳ hui là 3.000.000 đồng. Dây hui mở ngày 02/3/2014 âm lịch, hui giá 3.000.000 đồng, 03 tháng mở hui một lần, có 15 phần, bà TH tham

gia 02 phần và hốt hết 02 phần hui, sau khi hốt hui thì bà TH góp hui chết cho bà T được một thời gian thì không góp tiếp và còn nợ bà T 05 kỳ hui là 30.000.000 đồng (02 phần x 3.000.000 đồng/phần). Dây hui mở ngày 10/7/2014 âm lịch, hui giá 3.000.000 đồng, 03 tháng mở hui một lần, có 15 phần, bà TH tham gia 01 phần và hốt lần mở hui thứ nhất, sau khi hốt hui thì bà TH góp hui chết cho bà T được một thời gian thì không góp tiếp và còn nợ bà T 06 kỳ hui là 18.000.000 đồng. Dây hui mở ngày 25/4/2015 âm lịch, hui giá 3.000.000 đồng, 03 tháng mở hui một lần, có 14 phần, bà TH tham gia 02 phần và hốt hết 02 phần hui, sau khi hốt hui thì bà TH góp hui chết cho bà T được một thời gian thì không góp tiếp và còn nợ bà T 06 kỳ hui là 36.000.000 đồng (02 phần x 3.000.000 đồng/phần). Dây hui mở ngày 30/6/2015 âm lịch, hui giá 500.000 đồng, 15 ngày mở hui một lần, có 14 phần, bà TH tham gia 02 phần và hốt hết 02 phần hui, sau khi hốt hui thì bà TH góp hui chết cho bà T được một thời gian thì không góp tiếp và còn nợ bà T 05 kỳ hui là 5.000.000 đồng (02 phần x 500.000 đồng/phần). Dây hui mở ngày 20/8/2015 âm lịch, hui giá 5.000.000 đồng, 01 tháng mở hui một lần, có 18 phần, bà TH tham gia 01 phần và đã hốt hui, sau khi hốt hui thì bà TH góp hui chết cho bà T được một thời gian thì không góp tiếp và còn nợ bà T 06 kỳ hui là 30.000.000 đồng. Dây hui mở ngày 19/4/2015 âm lịch, hui giá 3.000.000 đồng, 04 tháng mở hui một lần, có 12 phần, bà TH tham gia 01 phần, bà TH góp được 04 kỳ hui sống thì không góp tiếp, số tiền gốc bà TH đã góp hui được là 7.100.000 đồng. Ngoài ra, bà TH còn nợ bà T số tiền hui do bà T làm chủ hui là 15.000.000 đồng.

Tổng số tiền hui bà Đặng Thị Bích TH nợ bà Trần thị Thanh T là 149.900.000 đồng. Do bà TH vỡ nợ không thực hiện nghĩa vụ của hui viên góp các kỳ hui chết cho bà T nên bà T phải thực hiện thay nghĩa vụ cho bà TH góp tất cả các kỳ hui chết của các dây hui nêu trên. Sau đó, giữa bà TH và bà T thỏa thuận cho bà TH trả góp mỗi tháng 1.000.000 đồng và bà TH trả được số tiền 32.000.000 đồng thì không trả tiếp, hiện nay bà TH còn nợ bà T số tiền hui là 117.900.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần thị Thanh T yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị Bích TH hoàn trả số tiền hui còn nợ là 117.900.000 đồng.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đặng Thị Bích TH trình bày: Bà Đặng Thị Bích TH thống nhất với toàn bộ phần trình bày của bà Trần thị Thanh T về toàn bộ hợp đồng góp hui giữa bà TH và bà T nên bà TH không trình bày thêm,

Nay bà Đặng Thị Bích TH thống nhất hoàn trả cho bà Trần thị Thanh T số tiền hui còn nợ là 117.900.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên xin bà T cho trả dần mức trả 01 tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ hui nêu trên cho bà T.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và

những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần thị Thanh T và buộc bị đơn bà Đặng Thị Bích TH hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hui là 117.900.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Đặng Thị Bích TH đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất nhưng vắng và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần thị Thanh T về việc yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị Bích TH hoàn trả số tiền hui là 117.900.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần thị Thanh T và bị đơn bà Đặng Thị Bích TH thống nhất xác định: Bà T là chủ hui, bà TH là hui viên có tham gia góp hui với nhau, do làm ăn thua lỗ bà TH vỡ nợ nên sau khi hết hui không góp tiếp các kỳ hui chết cho bà T, bà T phải thực hiện thay nghĩa vụ cho bà TH góp các kỳ hui chết của các dây hui, cụ thể: Dây hui mở ngày 09/11/2013 âm lịch là 3.000.000 đồng; dây hui mở ngày 02/3/2014 âm lịch là 30.000.000 đồng; dây hui mở ngày 10/7/2014 âm lịch là 18.000.000 đồng; dây hui mở ngày 25/4/2015 âm lịch là 36.000.000 đồng; dây hui mở ngày 30/6/2015 âm lịch là 5.000.000 đồng; dây hui mở ngày 20/8/2015 âm lịch là 30.000.000 đồng; dây hui mở ngày 19/4/2015 âm lịch là 7.100.000 đồng. Ngoài ra, bà TH còn nợ bà T số tiền hui của dây hui do bà TH làm chủ hui là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền hui bà TH nợ bà T là 149.900.000 đồng. Sau đó, giữa bà TH và bà T thỏa thuận cho bà TH trả góp mỗi tháng 1.000.000 đồng và bà TH trả được số tiền 32.000.000 đồng thì không trả tiếp, hiện nay bà TH còn nợ bà T số tiền hui là 117.900.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định bà Đặng Thị Bích TH còn nợ bà Trần thị Thanh T số tiền hui là 117.900.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần thị Thanh T và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 166, Điều 280, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hui, biêu phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Đặng Thị Bích TH phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Đối với việc bị đơn bà Đặng Thị Bích TH yêu cầu được trả dần số tiền là 117.900.000 đồng với mức trả 01 tháng là 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần thị Thanh T không đồng ý theo yêu cầu của bà Thủy . Xét thấy, yêu cầu của bà TH không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn bà Đặng Thị Bích TH phải chịu 5.895.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Trần thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 280, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần thị Thanh T. Buộc bị đơn bà Đặng Thị Bích TH hoàn trả cho bà T số tiền hui là 117.900.000 đồng (một trăm mười bảy triệu, chín trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Đặng Thị Bích TH phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Đặng Thị Bích TH phải chịu 5.895.000 đồng (năm triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Trần thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.947.500 đồng (hai triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009274, ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Cẩm Nhung